TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**29/2020**/DS – ST
Ngày:17/9/2020

"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Kim Sa Pha**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hùng**

2. Ông **Trương Thoại Lượng**

Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2020/TLST – DS ngày 25/05/2020; Về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST – DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST – DS ngày 25 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 08, đường N, khóm A, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1979 và bà Quách Thị Mỹ N, sinh năm 1985. Cùng địa chỉ: ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2020, các chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày ý kiến:*

Vào ngày 10/10/2017, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Quách Thị Mỹ N vay số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng, thời hạn cho vay là 01 tháng để vợ chồng ông T, bà N đáo nợ vay Ngân hàng, việc vay tiền vợ chồng ông T, bà N có làm biên nhận nợ cho bà. Tuy N, đến hạn 01 tháng trả nợ thì ông T, bà N nói không vay được Ngân hàng do nợ xấu và nhiều lần hứa hẹn không T toán tiền vốn vay, chỉ đóng lãi được số tiền 25.000.000 đồng. Đến ngày 10/12/2018, thì vợ chồng ông T, bà N có trả cho bà được số tiền vốn 200.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng cho đến nay chưa T toán.

Nay bà Trần Thị S khởi kiện vợ chồng ông T, bà N ra Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, yêu cầu xem xét, giải quyết buộc ông T, bà N T toán số tiền 50.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi từ ngày 10/10/2017 đến ngày 10/12/2018 là 14 tháng x 1,66%/tháng x 250.000.000 đồng tiền vốn vay là 58.100.000 đồng, trừ số tiền lãi đã trả 25.000.000 đồng, còn lại tiền lãi là 33.100.000 đồng; tiền lãi số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 10/12/2018 đến 10/3/2020 là 15 tháng x 1,166% x 50.000.000 đồng là 8.745.000 đồng; Tổng cộng tiền lãi là 41.845.000 đồng và tiền lãi cho đến khi T toán xong tiền vốn, lãi vay.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với các bị đơn, về mức lãi suất cho vay. Yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất là 1,166%/tháng. Cụ thể: Số tiền 50.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi từ ngày 10/10/2017 đến ngày 10/12/2018 là 14 tháng x 1,166%/tháng x 250.000.000 đồng tiền vốn vay là 40.810.000 đồng, trừ số tiền lãi đã trả 25.000.000 đồng, còn lại tiền lãi là 15.810.000 đồng; tiền lãi số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 10/12/2018 đến 10/3/2020 là 15 tháng x 1,166% x 50.000.000 đồng là 8.745.000 đồng; Tổng cộng tiền lãi là 24.555.000 đồng và tiền lãi cho đến khi T toán xong tiền vốn, lãi vay.

** Theo Biên bản hòa giải ngày 07/7/2020 tại Tòa án, các chứng cứ có trong hồ sơ bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày ý kiến:*

Vào ngày 10/10/2017, vợ chồng ông có vay của bà Trần Thị S số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng, thời hạn cho vay là 01 tháng để vợ chồng ông đáo nợ vay Ngân hàng, việc vay tiền có làm biên nhận cho bà S giữ. Tuy N, đến thời hạn 01 tháng trả số tiền vay cho bà S thì vợ chồng ông không vay được tiền Ngân hàng nên không có khả năng trả số tiền vốn vay, chỉ trả lãi cho bà S. Đến ngày 10/12/2018, thì vợ chồng ông có trả cho bà S số tiền 200.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng, nhưng sau đó ông có trả cho bà S số tiền 50.000.000 đồng nhưng ông đã làm mất biên nhận trả tiền. Nay bà S khởi kiện vợ chồng ông ra Tòa án yêu cầu trả số tiền vốn vay còn lại 50.000.000 đồng và tiền lãi, thì vợ chồng ông đồng ý trả cho bà S nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình ông khó khăn, không có tiền để trả tiền cho bà S một lần, nên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho vợ chồng ông trả dần số tiền vốn và lãi vay cho đến khi nào xong hoặc khi nào có nhiều thì ông trả nhiều.

* Bị đơn bà Quách Thị Mỹ N được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo việc kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Minh T và bà Quách Thị Mỹ N được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Bị đơn ông T có đơn yêu cầu hoãn phiên tòa nhưng không thuộc trường hợp trở ngại khách quan và sự kiện bất khả kháng nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T, bà N theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị S thay đổi một phần đơn khởi kiện đối với bị đơn về mức lãi suất. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về mức lãi suất tính lãi theo đơn khởi kiện là 1,66%/tháng, tại phiên tòa hôm nay yêu cầu tính lãi là 1,166%/tháng là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, có lợi cho phía bị đơn. Căn cứ theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 10/10/2017, bà Trần Thị S có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Quách Thị Mỹ N vay số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng, thời hạn cho vay là 01 tháng, vợ chồng ông T, bà N có làm biên nhận nợ cho bà S. Tuy N, đến hạn 01 tháng trả nợ thì ông T, bà N không có khả năng T toán, chỉ trả lãi cho bà S được số tiền là 25.000.000 đồng. Đến ngày 10/12/2018, thì vợ chồng ông T, bà N có trả cho bà S được số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi. Theo bà S trình bày, đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà N thanh toán số tiền 50.000.000 đồng vốn và lãi vay còn lại nhưng ông T, bà N hứa hẹn nhiều lần, không thanh toán nên bà khởi kiện ra Tòa án xem xét, giải quyết. Từ đó, các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Theo ý kiến trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà S và bị đơn ông T đều trình bày thống nhất, ông T thừa nhận vào ngày 10/10/2017 vợ chồng ông có vay của bà Trần Thị S số tiền 250.000.000 đồng, việc vay tiền có làm biên nhận nợ do bà S giữ, lãi suất thỏa thuận miệng 5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, đến thời hạn trả tiền thì vợ chồng ông T không có khả năng thanh toán số tiền vốn và lãi vay cho bà S mà chỉ trả lãi được số tiền 25.000.000 đồng. Đến ngày 10/12/2018, thì vợ chồng ông T có trả cho bà S được số tiền 200.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại 50.000.000 đồng và tiền lãi chưa thanh toán tạm tính đến ngày 10/3/2020. Tại phiên hòa giải ngày 07/7/2020, bị đơn ông T thừa nhận và đồng ý T toán số tiền vốn và lãi cho bà S tính đến ngày 10/3/2020 tổng cộng là 91.845.000 đồng theo phương thức chia làm 04 đợt, mỗi đợt 03 tháng thanh toán một lần nhưng nguyên đơn bà Trần Thị S không đồng ý, mà yêu cầu trả làm 02 đợt. Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết nêu trên không phải chứng minh. Tuy Nhiên, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị S thay đổi yêu cầu tính lãi suất, tính lãi suất cho vay là

1,166%/tháng là có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đó, nguyên đơn bà Trần Thị S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Quách Thị Mỹ N thanh toán số tiền vốn vay còn nợ lại 50.000.000 đồng và tiền lãi vay của khoản vay 250.000.000 đồng vào ngày 10/10/2017 theo lãi suất 1,166%/ là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể, tổng số tiền lãi bị đơn ông T, bà N còn nợ lại nguyên đơn bà Trần Thị S tính đến ngày 10/3/2020 tổng cộng là 24.555.000 đồng (đã trừ số tiền lãi 25.000.000 đồng bị đơn ông T, bà N đã trả cho bà S) và tiền lãi từ ngày 11/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 50.000.000 đồng x 1,166%/tháng x 06 tháng 06 ngày = 3.614.600 đồng. Tổng cộng số tiền lãi là: 28.169.600 đồng.

Vì vậy, tổng số tiền vốn và lãi bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Quách Thị Mỹ N có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Thị S là: 78.169.600 đồng.

Đối với ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Minh T yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho vợ chồng ông trả dần cho bà S số tiền nợ nêu trên vì hoàn cảnh gia đình ông hiện đang rất khó khăn, không có điều kiện trả 01 lần số tiền cho bà S, thì thấy vấn đề này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, về phương thức thanh toán thì các đương sự có quyền thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết yêu cầu xin trả dần số tiền nợ của bị đơn ông T.

[4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Quách Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, số tiền án phí phải nộp là 3.908.480 đồng.

Do nguyên đơn bà Trần Thị S thuộc đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Quách Thị Mỹ N về việc yêu cầu thanh toán số tiền vốn và lãi suất tiền vay.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Quách Thị Mỹ N có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Thị S số tiền vốn và lãi suất tiền vay tổng cộng là 78.169.600 đồng (Bảy mươi tám triệu một trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn bà Trần Thị S có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Quách Thị Mỹ N chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Quách Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.908.480 đồng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Quách Thị Mỹ N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha